

Bản án số: 396/2024/HS-PT

Ngày: 13/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Bích Ngân**

Ông **Nguyễn Ngọc Huân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Việt Hùng**, Thư ký TAND TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 227/2024/HSPT ngày: 29/02/2024 đối với bị cáo Phùng Thị H và Phạm Văn D, do có kháng cáo của bị cáo Phùng Thị H và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phùng Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2024/HS-ST ngày: 24/01/2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, TP ..

1. Bị cáo có kháng cáo: Phùng Thị H, Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20 tháng 5 năm 2003; ĐKKHKT: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông: Phùng Văn Đ và con bà Nguyễn Thị T; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Bị cáo không có kháng cáo, bị kháng cáo: Phạm Văn D, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10 tháng 11 năm 2003; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã M, T, Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, T, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Phạm Văn C, Con bà: Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Người bị hại: 1. Chị Phùng Thị Diệu L1 sinh năm 2004; ĐKKHKT: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội. Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, Hà Nội (**đã chết**);

Người đại diện hợp pháp của chị Phùng Thị Diệu L1 có kháng cáo:

1. Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Trú tại thôn H, xã C, huyện T, TP ., (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Thành ủy q cho ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội.

Người bị hại không có kháng cáo: Anh Phạm Văn D; Sinh năm 2003. Trú tại: Thôn P, xã M, T, Hà Nội (đồng thời là bị cáo trong vụ án, có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Chị Phùng Thị H; sinh năm 2003; Trú tại: Tổ B, phường P, quận H, Hà Nội, (đồng thời là bị cáo trong vụ án, có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

2. Bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977. (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã M, T, Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 2004. (Vắng mặt).

Trú tại:Thôn H, xã T, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào khoảng 21 giờ ngày 09/11/2022, Phạm Văn D sửa xe mô tô của D tại một cửa hàng ở phố Đ, Hà Nội nên gọi điện thoại cho Nguyễn Tiến T1 để nhờ T1 chở D về nhà. Khoảng 15 phút sau, T1 điều khiển xe mô tô Honda Winner loại 150cc có BKS 21B2-112.70 đến đón D rồi điều khiển xe mô tô chở D ngồi phía sau. Khi đi được khoảng 2km từ phố Đ ra đường N, T1 dừng xe lại ở lề đường, hỏi D có giấy phép lái xe chưa. D bảo có nên T1 nhờ D lên điều khiển xe mô tô chở T1 do T1 bị lạnh. Sau đó, D điều khiển xe mô tô để đi về nhà D ở thôn P, xã M. Khi đi đến Đ1 (C) thuộc địa phận xã C, huyện T, D khai điều khiển xe mô tô di chuyển với vận tốc khoảng 60km/h theo hướng H đi T ở khu vực giữa đường C. Cùng thời gian này, Phùng Thị H điều khiển xe máy điện không biển kiểm soát chở theo Phùng Thị Diệu L1 sinh năm 2004 (em gái ruột của H) di chuyển từ nhà trọ của mẹ H là bà Nguyễn Thị T tại thôn H, xã C để đi thăm em trai H ở phường P. Sau đó, H điều khiển xe máy điện di chuyển từ trong thôn H ra phía cổng chào của thôn rồi rẽ trái ra đường C. Khi ra đến đường C, H điều khiển xe máy điện đi ngược chiều ở làn đường ngoài cùng bên trái theo hướng T đi H để đi ra lối mở gần cầu K, xã C nhằm mục đích rẽ sang phần đường đi về hướng H. Khi đi đến gần khu vực lối mở trên đường C thì H dừng lại để quan sát rồi tiếp tục điều khiển xe máy điện đi ngược chiều chéo về phía lối mở phía trước để sang đường. Cùng lúc này, xe mô tô do D điều khiển đi đến nơi. Do phóng nhanh không làm chủ được tốc độ, thiếu chú ý quan sát nên xe mô tô do D điều khiển đã va chạm với xe đạp điện do H điều khiển. Hậu quả: Phùng Thị Diệu L1 bị tử vong tại hiện trường; Nguyễn

Tiền T1, Phạm Văn D, Phùng Thị H bị thương điều trị tại bệnh viện Q; xe mô tô, xe máy điện bị hư hỏng.

Ngày 09/11/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân chết của Phùng Thị Diệu L1 nhưng gia đình nạn nhân từ chối pháp y tử thi. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Trung tâm P tiến hành xem xét dấu vết bên ngoài của nạn nhân, kết quả như sau: Đầu mặt: Sờ nắn không thấy vỡ xương, Bầm tím da rải rác vùng trán phải kích thước (4x2)cm; Bầm tím niêm mạc môi dưới kích thước (3x1)cm; Lỗ tai phải khô, lỗ tai trái có máu; Hai lỗ mũi, miệng có máu chảy ra; Cung răng chắc, không gãy răng; Cổ vững; Ngực trái mất vững; Bầm tím da vùng ngực trái kích thước (1x0,5)cm; Bầm tím da mào chậu phải kích thước (4x2)cm. Tay phải: Sây sát da ổ, cẳng tay kích thước (5x2)cm; Sây sát da rải rác mặt sau khuỷu tay kích thước (3x3)cm; Sây sát da rải rác mu bàn tay kích thước (6x2)cm; Sờ nắn không thấy gãy xương. Tay trái: Bầm tím, sây sát da mu bàn tay kích thước (7x3)cm; Trợt da mặt lòng bàn tay kích thước (1x5)cm; Sờ nắn không thấy gãy xương; Sây sát da vùng thắt lưng kích thước (1x0,5)cm và (0,5x0,5)cm; Khung chậu vững, bộ phận sinh dục ngoài bình thường. Chân phải: Sây sát, bầm tím tụ da mu bàn chân kích thước (10x8)cm; Sờ nắn không thấy gãy xương. Chân trái: Rách da gối kích thước (9x3)cm. Qua vết rách da thấy lộ xương bánh chè; Sây sát, bầm tím da rải rác cẳng chân, cổ chân và mu bàn chân kích thước (30x8)cm; Sờ nắn không thấy gãy xương. Ngoài các dấu vết đã mô tả không phát hiện thương tích nào khác.

Tại bản kết luận giám định số: 1591/GĐTT-TTPY ngày 24/11/2022 của Trung tâm Pháp y – Sở Y, kết luận: *Mẫu máu của nạn nhân Phùng Thị Diệu L1 giám định: Không có E. Mẫu máu của nạn nhân Phùng Thị Diệu L1 giám định: Âm tính với M, C1, C2, A, Methamphetamine, Ketamine, MDA, MDMA, MDEA. Nguyên nhân chết: Do không mổ tử thi không kết luận được nguyên nhân chết.*

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn, xác định: Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, mặt đường khô, gió nhẹ, sử dụng ánh sáng đèn đường và đèn ác quy, đèn pin để tiến hành khám nghiệm. Tình trạng hiện trường: Xác định một nạn nhân nữ giới đã tử vong tại hiện trường; 03 bị thương đã được đưa đi cấp cứu; Xe mô tô BKS: 21B2-112.70 và xe máy điện không gắn biển kiểm soát được xác định là phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông có ở hiện trường. Hiện trường được ban công an xã C và đội Cảnh sát giao thông đường bộ số A1 bảo vệ.

Hiện trường và quá trình khám nghiệm: Hiện trường chung nơi xảy ra tai nạn: Hiện trường được xác định là mặt đường trục phía nam đoạn Km04+650 đoạn thuộc thôn H - C - T - Hà Nội. Đây là đoạn đường nằm ngoài khu vực dân cư. Giữa đường có dải phân cách cứng bằng bê tông chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Trong dải phân cách là phần đất được trồng cây cỏ có bề rộng là 7,8m. Có đoạn lối mở dải phân cách rộng 53,30 mét dành cho các phương tiện quay đầu và người đi bộ sang đường. Bên ngoài mép đường bên phải theo hướng H đi T là phần vỉa hè và ruộng canh tác. Đường

dành cho người đi bộ sang đường rộng 03 mét. Cách điểm đầu vạch sơn trắng dành cho người đi bộ (hướng H) 60 mét hướng về phía H là biển cảnh báo nguy hiểm “đi chậm” được dựng trên phần vỉa hè bên phải theo hướng H đi T. Cách điểm đầu vạch sơn trắng phần đường dành cho người đi bộ (hướng T) 2,8 mét về hướng H có biển báo phần đường dành cho người đi bộ sang đường. Hai đầu của dải phân cách lõi mở có dựng 02 biển cấm đi ngược chiều.

Xác định hiện trường của vụ tai nạn giao thông là phần mặt đường phía chiều đường bên phải theo hướng H đi T. Bề rộng mặt đường là 15,20 mét. Trên mặt đường có 02 vạch sơn trắng đứt quãng liên tục và 01 vạch sơn trắng nét liền chạy dọc theo mặt đường chia mặt đường thành 04 làn xe chạy. Bề rộng làn bên trái sát với dải phân cách giữa đường là 4,2 mét, bề rộng của hai làn đường giữa đều nhau là 3,8 mét. Bề rộng của làn bên phải sát mép đường vỉa hè là phần còn lại của mép đường. Cách vị trí biển báo phần đường dành cho người đi bộ sang đường C mét về hướng T là vị trí biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên về phía bên phải.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: Vết 1 là vết trượt màu đen dài 5,40 mét, rộng 0,04 mét có hướng H đi T; Vết 2 là chum vết cày trắng bột đá dài 31,80 mét, rộng 0,05 mét có hướng H đi T; Vết 3: Vết cày đứt quãng dài 2 mét, rộng 0,05 mét có hướng H đi T; Vết 4: Vết màu đen dạng dầu máy dài 23,50 mét rộng 0,07 mét hướng H đi T; Vết 5: Vết trượt màu đen dài 3,2 mét, rộng 0,03 mét có hướng H đi T; Vết 6: Chất màu nâu đỏ (nghi máu người) diện (0,65x0,4)m; Vết 7: Chất màu nâu đỏ (nghi máu người) diện (0,8x0,9)m; Vết 8: Vị trí nạn nhân nữ xác định tử vong tại hiện trường; Vết 9: Chất màu nâu đỏ (nghi máu người) diện (0,7x0,5)m; Vết 10: Vị trí xe máy điện; Vết 11: Vị trí xe mô tô biển số: 21B2-112.70; Vết 12: Vị trí các mảnh nhựa màu đen, trắng, nâu rơi vãi trong diện (35x8)m. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Điểm mốc là cột đèn cao áp ký hiệu TBA2-T2-L2-3C được dựng trên phần đất giữa dải phân cách giữa đường; Xác định mép đường bên trái sát dải phân cách cứng giữa đường làm chuẩn. Mô tả vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: Nạn nhân (vị trí số 8): Nằm trên mặt đường phía chiều đường bên phải được xác định đã tử vong trong tư thế nằm úp, đầu nạn nhân hướng ra phía dải phân cách. Chân nạn nhân hướng ra mép đường bên phải. Đầu nạn nhân cách mép đường chuẩn là 1,64 mét, chân bên phải nạn nhân cách mép đường chuẩn là 2,50 mét. Vết 10: Là vị trí xe máy điện bị đổ nằm trên mặt đường sang phía bên phải của xe. Đầu xe hướng ra tim đường, đuôi xe hướng ra mép đường chuẩn. Đầu trục bánh trước vết 10 cách mép đường chuẩn là 4,25 mét, đầu trục bánh sau vết 10 cách mép đường chuẩn là 2,8 mét. Vết 11: Là vị trí xe mô tô biển số 21B2-11270 bị đổ nằm trên mặt đường nghiêng sang phía bên phải của xe, đầu xe hướng ra mép đường chuẩn chéch về hướng H, đuôi xe hướng ra tim đường chéch về hướng T. Vết 6 cách mép đường chuẩn là 0,6 mét, vết 7 cách mép đường chuẩn là 5m, vết 9 cách mép đường chuẩn là 5,9 m. Đầu vết 5 cách mép đường chuẩn là 3,1m, cuối vết 5 cách mép đường chuẩn là 2,7m. Đầu vết 4 cách mép đường chuẩn là 4,4m, cuối

vết 4 là vị trí máy xe mô tô (11) tạo với mặt đường. Đầu vết 3 cách mép đường chuẩn là 5,7m, cuối vết 3 cách mép đường chuẩn là 5,6m. Đầu vết 2 cách mép đường chuẩn là 5,8m,, cuối vết 2 là vị trí đầu bàn để chân trước, sau tay lái bên phải vết 11 tạo ra với mặt đường. Đầu vết 1 cách mép đường chuẩn là 5,9m, cuối vết 1 cách mép đường chuẩn là 6m. Bổ sung: Đầu vết 2 cách cuối vết 1 là 0,7m. Đầu vết 2 cách đầu vết 3 là 7m,. Cuối vết 3 cách đầu vết 4 là 1,7m. Đầu vết 4 cách đầu vết 5 là 8,45m. Cuối vết 5 đối diện với điểm giữa vết 6. Giữa vết 6 cách giữa vết 7 là 6m. Giữa 7 cách đầu 8 là 0,75m. Đầu 8 cách giữa 9 là 0,85m. Giữa 9 cách trục trước 10 là 4,9m. Trục bánh sau 10 cách trục sau 11 là 0,35m. Trục sau 11 cách cột đèn ký hiệu TBA2-T2-L2-3C là 3,8m.

Kết quả giám định thương tích đối với các bị hại trong vụ việc:

Đối với Phùng Thị H: Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 818/KL-KTHS ngày 20/2/2023 của V - Bộ C4, kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng thương tích như sau: Sẹo vùng thái dương - đỉnh trái, kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.2, C3 8); Sẹo vùng thái dương đỉnh phải, kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.1, C3 8); Sẹo phẫu thuật mắt ngoài 2/3 trên đùi phải kích thước lớn: 03% (Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.3, C3 8); Sẹo mặt trước 1/3 giữa cằm chân trái kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.2, C3 8); Sẹo mặt sau 1/3 giữa cằm chân trái kích thước lớn: 03% (Nguyên tắc 1 và Mục I.3, C3 8); Sẹo phẫu thuật mắt cá trong cổ chân trái kích thước trung bình: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1,3 và Mục I.2, C3 8); Vỡ xương thái dương trái vỡ dưới 2,5cm, diện não đồ không tổn thương: 08% (áp dụng Ghi chú Mục I và Mục I.2.1, Chương 1); Ô tổn thương não vùng thái dương phải đường kính từ 2cm đến 5cm: 26% (áp dụng Mục III.2, C); Gãy xương chậu kiểu Malgaigne gây méo khung chậu: 41% (áp dụng Mục XI.5.2, C3 7); Gãy 1/3 trên xương đùi trái đang can, còn phương tiện kết xương: 21% (áp dụng Mục VII.10.1, C3 7); Gãy mắt cá trong chân trái, không ảnh hưởng đến khớp: 06% (áp dụng Mục IX.3.1, C3 7); Gãy 1/3 dưới xương mác trái, can tốt: 03% (áp dụng Mục VIII.19.1, C3 7); Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phùng Thị H tại thời điểm giám định là: 75% (bảy mươi lăm phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương của chị Phùng Thị H do tác động tương hỗ với vật tày gây ra.

Đối với Phạm Văn D, Nguyễn Tiến T1: Ngày 08/2/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Phạm Văn D và Nguyễn Tiến T1 nhưng D và T1 đã kiên quyết từ chối đi giám định thương tích nên không xác định được tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn D và Nguyễn Tiến T1 trong vụ việc.

Kết quả giám định dấu vết va chạm giữa xe mô tô và xe máy điện:

Tại bản kết luận giám định dấu vết số 8998 ngày 06/01/2023 của V - Bộ C4, kết luận: *Dấu vết trượt xước ở mặt ngoài phía trước đầu ốc bắt trục bánh trước và phía dưới giảm xóc trước bên trái xe mô tô biển số 21B2-112.70 có chiều từ trước về sau (ảnh 7, 9 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết biến dạng, trượt xước ở mặt ngoài phía trước bên trái khung kim loại bảo vệ bình điện xemáy điện. Dấu vết va chạm ở xe máy điện tại vị trí này có chiều từ trái sang phải (ảnh 8, 10 trong bản ảnh giám định). Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 21B2-112.70 và xe máy điện nằm ở chiều đường từ H đi T tại hiện trường. Không đủ cơ sở để xác định vị trí va chạm giữa 02 phương tiện này thuộc làn đường nào.*

Kết quả giám định tốc độ thời điểm trước khi xảy ra va chạm của xe mô tô và xe máy điện:

Tại bản kết luận giám định số 6959/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của V - Bộ C4, kết luận: *Không xác định được tốc độ của xe mô tô biển số 21B2-11270 và xe máy điện tại thời điểm ngay trước khi hai phương tiện này xảy ra va chạm với nhau.*

Kết quả định giá tài sản:

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 76/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: *Tổng giá trị thiệt hại của chiếc mô tô Honda Winner, biển số 21B2-112.70, số khung: 303239, số máy: 1149483, đăng ký lần đầu vào năm 2018 là: 4.910.000 đồng (Bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng). Tổng giá trị thiệt hại của chiếc xe máy điện màu đen, tem mác màu xám có in dòng chữ "59-F2 EBIKE LTP BIKE", xe mua từ năm 2019 là: 2.810.000 đồng (Hai triệu tám trăm mười nghìn đồng). Thời điểm định giá: ngày 09/11/2022. Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá: 7.720.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

Đối với việc Nguyễn Tiến T1 giao xe mô tô BKS 21B2-11270 của T1 cho Phạm Văn D điều khiển và xảy ra tai nạn giao thông. Thời điểm T1 giao xe cho D thì D không có giấy phép lái xe nhưng khi T1 hỏi thì D nói dối T1 là đã có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của Nguyễn Tiến T1 là có căn cứ.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Winner BKS 21B2-112.70, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hứa Tiến D1 và 01 chiếc xe máy điện không biển kiểm soát của Phùng Thị H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HSST ngày 24/1/2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã quyết định phạt

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Phạm Văn D. Phạt bị cáo Phạm Văn D 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Phùng Thị H. Phạt bị cáo Phùng Thị H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về Dân sự: Căn cứ điều 584; 585; 586; 589; 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường cho đại diện gia đình chị Phùng Thị Diệu L1 là ông Phùng Văn Đ số tiền 200.000.000 đồng đối trừ 170.000.000 đồng đã thanh toán, bị cáo D tiếp tục phải thanh toán trả cho ông Phùng Văn Đ (đại diện gia đình nạn nhân Phùng Thị Diệu L1) số tiền 30.000.000 đồng

Buộc bị cáo D phải bồi thường cho Phùng Thị H tổng số tiền là 127.743.563 đồng trong đó gồm bồi thường thiệt hại về sức khỏe là: 126.338.563 đồng và bồi thường thiệt hại tài sản do hư hỏng xe là 1.405.000 đồng

Buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại cho Phạm Văn D số tiền là: 20.972.820 đồng;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 24/1/2023 chị Phùng Thị H và ông Phùng Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường mà bị cáo D phải bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo D không đề nghị gì, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị cáo Phùng Thị H trình bày nội dung kháng cáo là đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo D, giữ nguyên và yêu cầu bị cáo D bồi thường dân sự ngay. Ông Phùng Văn Đ kháng cáo tăng bồi thường cho Phùng Thị H các nội dung khác ông đề nghị giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tình chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2024/HSST ngày 24/1/2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, TP . về hình phạt và dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/11/2022, Phạm Văn D không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner loại 150cc có BKS 21B2-11270 chở theo Nguyễn Tiến T1 di chuyển trên đường trục phát triển kinh tế phía nam (đường C) theo hướng H, T. Khi đi đến khu vực xã C, huyện T đã xảy ra va chạm với xe máy điện do Phùng Thị H điều khiển chở Phùng Thị Diệu L1 ngồi phía sau đang di chuyển ngược chiều theo hướng T đi H với mục đích đi chéo từ làn đường ngoài cùng đến lối mở sang phần đường đối diện. Hậu quả Phùng Thị Diệu L1 bị tử vong tại hiện trường, Phùng Thị H bị thương, tổn hại 75% sức khỏe, Phạm Văn D, Nguyễn Tiến T1 bị thương tích phải đi cấp cứu tại bệnh viện Q, các phương tiện bị hư hỏng.

Hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi chưa được cấp giấy phép lái xe và điều khiển xe đi ngược chiều đường gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả chết người của Phạm Văn D và Phùng Thị H nêu trên đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Bị cáo Phạm Văn D không có giấy phép lái xe, nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã xét xử Phạm Văn D về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 và xét xử bị cáo Phùng Thị H về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]Xét kháng cáo bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hành vi của bị cáo Phùng Thị H và Phạm Văn D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại nghiêm trọng tính mạng người khác. Hành vi của bị cáo đã gây tâm lý bất an cho người dân nơi cư trú nói riêng, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an của xã hội nói chung. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra.

Như vậy tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đánh giá đúng về tội danh khung hình phạt đối với 2 bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Thị H do không tuân thủ quy tắc an toàn khi tham gia giao thông, điều khiển xe đi ngược chiều đường là nguyên nhân chính gây ra tai nạn, hậu quả làm chết một người và hai người bị thương tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo H có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt

hại, bản thân bị cáo cũng bị tổn hại 75% sức khỏe: chấn thương sọ não, gãy xương thái dương đỉnh thái, chấn thương ngực, giập phổi hai bên, gãy xương đùi trái... Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cấp sơ thẩm phạt bị cáo Phùng Thị H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Phạm Văn D: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình : Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D đã thành khẩn khai báo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; lỗi và nguyên nhân gây ra tai nạn một phần do người bị hại đi ngược chiều khi tham gia giao thông, khi xảy ra tai nạn bị cáo cũng bị thương nặng, bị chấn thương ngực, giập nhu mô thùy trên phổi phải, chấn động não, chấn thương hàm phải, gãy đốt ngón tay..... Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội có 1 phần lỗi bị cáo H, vì vậy hội đồng xét xử cho phạt bị cáo Phạm Văn D 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị cáo Phùng Thị H và ông Phùng Văn Đ còn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tăng bồi thường dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Phùng Thị H trình bày bị cáo kháng cáo yêu cầu bị cáo D phải bồi thường ngay số tiền bị cáo D phải bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên, không đề nghị tăng bồi thường, đây không phải là nội dung kháng cáo tăng bồi thường.

Ông Phùng Văn Đ kháng cáo tăng bồi thường đối với phần bị cáo D phải bồi thường cho Phùng Thị H, phần bồi thường của Phùng Thị Diệu L1 ông đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm. Tại phiên tòa ông Đ cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh lý do tăng bồi thường, đối với đề nghị của ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy Phùng Thị H trên 18 tuổi, tại phiên Tòa chị H không đề nghị tăng tiền bồi thường, bản thân ông Đ chỉ là người đại diện theo pháp luật cho chị Phùng Thị Diệu L1 (đã chết) nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của ông Đ.

Như vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo Phùng Thị H và Phạm Văn D đã quyết định hình phạt đối với các bị cáo và quyết định về dân sự là phù hợp có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Thị H và ông Phùng Văn Đ.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Phạm văn D2 xuất trình nộp Biên lai thu tiền bị cáo đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, 106.770.743 đ bồi thường cho Phùng Thị H và nộp 30.000.000đ bồi thường cho đại diện hợp pháp của Phùng Thị Diệu L1 được đối trừ.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt của bị cáo Phùng Thị H và tăng bồi thường cho Phùng Thị H đối với kháng cáo của ông Phùng Văn Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2024/HS-ST ngày 24/01/2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Hà Nội về hình phạt và dân sự.

Về vật chứng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phùng Thị H, ông Phùng Văn Đ không kháng cáo đề nghị gì nên tòa không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp bị hại không được chấp nhận, Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Thị H và người đại diện hợp pháp của bị hại.

Giữ nguyên Bản án sơ hình sự thẩm số:10/2024/HS-ST ngày 24/1/2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ: vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Phạm Văn D 24 tháng tù về tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn D cho UBND xã M, huyện T, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

3. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Phùng Thị H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phùng Thị H cho UBND phường P, quận H, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ: Điều 584; 585; 586; 589; 590 Bộ luật dân sự

+ Buộc bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường cho đại diện gia đình chị Phùng Thị Diệu L1 là ông Phùng Văn Đ số tiền 200.000.000 đồng đối trừ 170.000.000 đồng đã thanh toán, bị cáo D tiếp tục phải thanh toán trả cho ông Phùng Văn Đ (đại diện gia đình nạn nhân Phùng Thị Diệu L1) số tiền 30.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020652 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai (bị cáo D đã nộp đủ).

+ Buộc bị cáo D phải bồi thường cho Phùng Thị H tổng số tiền là 127.743.563 đồng trong đó gồm bồi thường thiệt hại về sức khỏe là: 126.338.563 đồng và bồi thường thiệt hại tài sản do hư hỏng xe là 1.405.000 đồng. Ghi nhận bị cáo D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020653 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai số tiền 106.770.743đ

+ Buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại cho Phạm Văn D số tiền là: 20.972.820 đồng;

Đối trừ bị cáo D đã nộp đủ tiền bồi thường cho bị cáo Phùng Thị H, bị cáo Phùng Thị H không phải nộp bồi thường cho bị cáo D.

5. Về Án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

- Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 6.387.178 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0020651 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai).

- Bị cáo Phùng Thị H phải chịu 1.048.641 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phùng Thị H phải chịu 200.000 đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Chi cục T.H.A. DS H. Thanh Oai;
- TAND H. Thanh Oai ;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU THỦY